

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08 /2015/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 12 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 18/10/2007 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 227/TTr-SKHHCN ngày 02 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN (Vụ pháp chế);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Như Điều 2;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH Bình Phước;
- Báo Bình Phước;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT. 12r

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số: 08 /2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục xét, công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; quản lý và hỗ trợ thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến tại tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp).

2. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

3. “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. “Đồng tác giả sáng kiến” là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

4. “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

5. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

6. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

7. “Chuyển giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.



Điều 3. Đối tượng được công nhận sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 của Quy định này. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện, phần mềm máy tính; cơ sở dữ liệu); vật chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...);

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc;

c) Giải pháp trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc cụ thể hóa chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể vào hoạt động thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc toàn tỉnh và được cấp thẩm quyền quyết định đưa vào thực hiện, được đánh giá là mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực sau khi triển khai thực hiện;

d) Giải pháp, biện pháp quản lý tài sản, tài chính công, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí;

đ) Giải pháp, biện pháp bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, các làng nghề truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới;

e) Giải pháp trong tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động để triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: giải pháp cung cấp dịch vụ công, tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

- c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;
- d) Phương pháp huấn luyện động vật; ...

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Các điều kiện để công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới;
- b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;
- c) Việc công bố, áp dụng sáng kiến không trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;
- d) Không là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

2. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi một cơ sở nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;
- b) Chưa bị bộc lộ công khai nếu giải pháp đó chưa được biết đến và chưa có giải pháp nào của người khác trùng với giải pháp đó được mô tả trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong cơ sở đó, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;
- c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;
- d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

3. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người).

Điều 5. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Giải pháp là đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học cấp tỉnh, bộ, ngành, Trung ương được nghiệm thu, đánh giá đạt trở lên;

b) Giải pháp đạt giải nhất ở cấp tỉnh và đạt giải khuyến khích trở lên ở cấp toàn quốc trong các hội thi sáng tạo về khoa học và công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, thể thao;

c) Giải pháp là đề tài bảo vệ luận án Tiến sĩ được triển khai nghiên cứu, thực hiện tại tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá ở mức đạt trở lên;

d) Được cấp Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

đ) Được tặng Huy hiệu “Tuổi trẻ sáng tạo” của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải làm đơn xin đặc cách (theo mẫu tại Phụ lục II) kèm theo một trong các tài liệu sau đây gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng xét công nhận sáng kiến (sau đây gọi tắt là Hội đồng sáng kiến) cấp tỉnh:

a) Bản sao biên bản họp hội đồng nghiệm thu đề tài, dự án trong đó có nêu rõ kết quả nghiệm thu, đánh giá hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo quy định tại Điều 15 của Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/06/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ) đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này;

b) Bản sao quyết định công nhận giải hoặc bằng khen của ban tổ chức hội thi đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Bản sao bằng khen hoặc quyết định khen thưởng đối với trường hợp quy định tại Điểm d và đ Khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này không phải thông qua họp Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh. Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh báo cáo các trường hợp được đặc cách trong kỳ họp để Hội đồng quyết định công nhận.

Chương II

HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến;

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì người đứng đầu cơ sở đó không được là thành viên Hội đồng sáng kiến. Thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến được quy định như sau:

- Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến thuộc về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó;

- Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến thuộc về Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến tùy thuộc vào việc cơ quan nào nhận được (hoặc nhận được sớm hơn) hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến.

c) Đối với cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước mà tác giả hoặc đồng tác giả sáng kiến là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến và đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì người đứng đầu cơ sở đó không được là thành viên Hội đồng xét công nhận sáng kiến này. Thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến thuộc về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó.

2. Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến hoặc là đại diện lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

c) Các Ủy viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

d) Thư ký Hội đồng là người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ sở xét công nhận sáng kiến;

đ) Các thành viên gồm: Các chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến; đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng;

e) Số lượng các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ sở đó.

Điều 7. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Cơ quan thường trực, giúp việc cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể thành lập các tổ chuyên môn theo lĩnh vực áp dụng sáng kiến để phân tích, đánh giá, sơ loại các sáng kiến và báo cáo kết quả trước Hội đồng trong kỳ họp.

3. Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực khoa học và công nghệ kiêm nhiệm;

b) 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm;

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng do Giám đốc Sở Nội vụ kiêm nhiệm;

d) Các Ủy viên Hội đồng là Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách lĩnh vực sở hữu trí tuệ; Trưởng Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh (trực thuộc Sở Nội vụ); Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học – Kỹ thuật tỉnh; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; đại diện lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh; Thủ trưởng một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có năng lực, trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

đ) Thư ký Hội đồng do Trưởng phòng Thông tin tư liệu và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm;

e) Các thành viên gồm: Các chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành phần khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được sử dụng con dấu của UBND tỉnh và con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ và chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

1. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả bỏ phiếu của Hội đồng;

b) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến được công nhận;

c) Đối với các tác giả sáng kiến đề nghị xét công nhận sáng kiến để bổ sung hồ sơ xét thi đua, khen thưởng thì Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét, lựa chọn những sáng kiến có khả năng áp dụng, nhân rộng trên địa bàn tỉnh để đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận;

d) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có nhiệm vụ xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng (phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả) của các sáng kiến đã được cấp Giấy chứng nhận sáng kiến của những người được đề xuất danh hiệu thi đua để chọn ra các sáng kiến cấp tỉnh phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng.

2. Chế độ làm việc

a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể; quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng;

b) Cơ quan hoặc bộ phận thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận, tổng hợp các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo Quy định tại Điều 12 của Quy định này để tham mưu Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp xét công nhận sáng kiến;

bản sao các nội dung sáng kiến phải được gửi cho các thành viên Hội đồng trước thời gian họp tối thiểu 05 ngày. Thời gian cụ thể tổ chức họp Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định trên cơ sở thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 14;

c) Các thành viên Hội đồng tham gia đầy đủ các kỳ họp, khi vắng mặt phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét, đánh giá nội dung sáng kiến (trong đó nêu rõ kết luận sáng kiến đạt hay không đạt) đến cơ quan hoặc bộ phận Thường trực Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được công nhận họp lệ.

Điều 9. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

1. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25.

2. Định mức chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 25.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 10. Thẩm quyền xét công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền xét công nhận sáng kiến là Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở; căn cứ kết quả bỏ phiếu của Hội đồng sáng kiến theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8, người đứng đầu cơ sở quyết định công nhận sáng kiến.

2. Thẩm quyền đánh giá, công nhận mức độ ảnh hưởng của sáng kiến trên phạm vi toàn tỉnh là Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh; Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 11. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu. Đối với các tác giả sáng kiến đề nghị xét công nhận sáng kiến để bổ sung hồ sơ xét thi đua, khen thưởng của năm đề nghị thì phải nộp hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến về cơ sở xét công nhận sáng kiến (đối với danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”) trước ngày 15/9 của năm đó.



3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (theo Mẫu tại Phụ lục I) bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến;
- b) Tác giả sáng kiến hoặc các đồng tác giả sáng kiến (nếu có) và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả;

c) Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến thì trong đơn cần nêu rõ chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào. Nếu sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì trong đơn cần ghi rõ thông tin này;

d) Tên sáng kiến; lĩnh vực áp dụng; mô tả bản chất của sáng kiến; các thông tin cần được bảo mật (nếu có):

- Tên sáng kiến: Phải thể hiện bản chất của giải pháp trong đơn;
- Lĩnh vực áp dụng: Nêu rõ lĩnh vực có thể áp dụng sáng kiến và vấn đề mà sáng kiến giải quyết;
- Mô tả sáng kiến:

+ Về nội dung của sáng kiến: Mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện giải pháp cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp; nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở thì cần nêu rõ tình trạng của giải pháp đã biết, những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết. Bản mô tả nội dung sáng kiến có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... nếu cần thiết;

+ Về khả năng áp dụng của sáng kiến: Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào;

- Các thông tin cần được bảo mật (nếu có);

đ) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến;

e) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có);

g) Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp trong đơn theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng giải pháp lần đầu, kể cả áp dụng thử tại cơ sở theo các nội dung sau:

- So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);

- Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

4. Tác giả sáng kiến chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến

1. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến ở cấp cơ sở gồm:

- Đơn đề nghị công nhận sáng kiến (theo mẫu tại Phụ lục I);
- Các tài liệu chứng minh về kết quả và lợi ích mang lại (nếu có).

Số lượng: 02 bộ hồ sơ.

Địa điểm nộp hồ sơ: Bộ phận Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

a) Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh gồm:

- Công văn kèm danh sách những sáng kiến đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở;

- Hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận sáng kiến đã được cơ sở cấp;

- Biên bản họp của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

b) Đối với các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh, thành phần hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5.

Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

c) Địa điểm nộp hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ - Số 678, Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

3. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến được tiếp nhận dưới hình thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quy định việc tiếp nhận hồ sơ qua mạng theo quy định hiện hành.

4. Các cơ sở xét công nhận sáng kiến không thu phí, lệ phí nộp hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến của các tác giả sáng kiến. Chi phí cho việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ được các cơ sở đảm bảo từ nguồn kinh phí phân bổ cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến.

Điều 13. Tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện đơn và có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến theo quy định tại Quy định này.

2. Cơ sở tiếp nhận đơn ghi nhận vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này), trong đó ghi rõ thời gian trả lời kết quả công nhận sáng kiến theo quy định tại Khoản 1 Điều 14. Nếu hồ sơ được nộp qua đường bưu điện, ngày tiếp nhận đơn căn cứ vào dấu bưu điện.

3. Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

4. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định;

c) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

Điều 14. Xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận. Cơ sở xét công nhận sáng kiến đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả sáng kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 và thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

2. Trước khi quyết định công nhận sáng kiến, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quyết định việc công bố công khai giải pháp (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến), tự quyết định việc tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật để đánh giá sáng kiến theo điều kiện quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 4.

Điều 15. Trình tự xét duyệt sáng kiến

1. Thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến; trường hợp cần thiết có thể thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, tư vấn cho Hội đồng sáng kiến (tối đa 01 chuyên gia cho mỗi lĩnh vực áp dụng sáng kiến và chuyên gia này không phải là thành viên Hội đồng).

2. Hội đồng làm việc theo quy định tại Điều 8.

3. Hợp xét công nhận sáng kiến:

a) Thường trực hội đồng sáng kiến trình bày tóm tắt nội dung các sáng kiến; đối với những sáng kiến còn có nhiều ý kiến khác nhau trong Hội đồng thì mời tác giả sáng kiến trình bày;

b) Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá, phản biện;

c) Hội đồng tiến hành bỏ phiếu nhận xét, đánh giá (tác giả sáng kiến không được quyền tham gia bỏ phiếu).

Trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến, các thành viên Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở xem xét, lựa chọn những sáng kiến có khả năng áp dụng, nhân rộng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 và kết quả phải ghi rõ vào phiếu nhận xét, đánh giá.

d) Chủ tịch Hội đồng sáng kiến nhận xét, đánh giá chung và kết luận cuộc họp;

đ) Thư ký tiến hành kiểm phiếu, lập và thông qua biên bản kiểm phiếu. Kết quả bỏ phiếu là cơ sở để Hội đồng ra quyết định công nhận sáng kiến. Những sáng kiến không đạt thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

e) Cuộc họp phải được lập thành biên bản.

Điều 16. Công nhận sáng kiến

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày sáng kiến được Hội đồng sáng kiến thông qua nhưng không được vượt quá thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 14, nếu không có khiếu nại hoặc tranh chấp về quyền tác giả, cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu tại Phụ lục IV) cho chủ đơn có sáng kiến được công nhận và tự quyết định việc công bố công khai giải pháp đã được công nhận là sáng kiến để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng sáng kiến có thể tiếp cận được các thông tin liên quan đến sáng kiến.

2. Giấy chứng nhận sáng kiến được cấp cho tác giả/các đồng tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (nếu tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến). Giấy chứng nhận sáng kiến có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến được một cơ sở công nhận.

3. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 2;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác;

c) Giả mạo tài liệu chứng minh trường hợp đặc cách công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 5.

4. Sáng kiến được cơ sở công nhận năm nào là căn cứ để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” của năm đó.

5. Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận có giá trị trong vòng 3 năm để làm cơ sở xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 17. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;
b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 18;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại Khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 18.

4. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Trước khi kết thúc 4 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, nếu chủ đầu tư tạo ra sáng kiến áp dụng sáng kiến hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng thì có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo thỏa thuận giữa các bên, hoặc theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

Thỏa thuận giữa các bên về việc có hay không trả thù lao, cách thức trả thù lao, mức thù lao, thời gian, thời hạn trả thù lao, thể hiện trong các văn bản sau đây:

a) Hợp đồng (ví dụ: thỏa thuận riêng bằng văn bản về việc trả thù lao, hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...);

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...).

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại Điểm a và Điểm b của Khoản này thì áp dụng quy định theo thỏa thuận giữa các bên nêu tại Điểm a Khoản này.

2. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là tổ chức kinh tế hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thù lao trả hàng năm trong 3 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu 7% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm, trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến thì trả với mức tối thiểu 5 lần mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao;

b) Thù lao trả trong 3 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu 15% giá chuyển giao.

3. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không phải là tổ chức kinh tế và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện như trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

4. Nghĩa vụ trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện cùng lúc với mỗi lần trả thù lao cho tác giả sáng kiến, với mức tối thiểu 20% mức thù lao cho tác giả sáng kiến nếu giữa những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận khác.

5. Mức thù lao quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được trả chung cho tất cả các đồng tác giả, thù lao quy định tại Khoản 4 Điều này được trả chung cho tất cả những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và những người này tự thỏa thuận việc phân chia.

Điều 19. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.



2. Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 20. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến;

b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu;

c) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật;

d) Trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại Điều 18, trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp các thông tin chi tiết về việc áp dụng sáng kiến cho tổ chức xét công nhận sáng kiến;

b) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp đối tượng là sáng kiến đã được công nhận, sau đó được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập, các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ được áp dụng đối với đối tượng đó, thay thế các quy định về sáng kiến.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 22. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến

1. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến có quyền áp dụng sáng kiến và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định tại Khoản 1 và Điểm d Khoản 2 Điều 17, nhưng không có quyền ngăn cấm người khác thực hiện việc áp dụng và chuyển giao sáng kiến ngoài phạm vi cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân áp dụng sáng kiến phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến cho người khác áp dụng và việc áp dụng sáng kiến đó xâm phạm

quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác, thì chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến (bên chuyển giao) chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên nhận chuyển giao do việc áp dụng sáng kiến đó gây ra, nếu giữa các bên có thỏa thuận như vậy trong hợp đồng chuyển giao sáng kiến.

3. Tác giả sáng kiến không có quyền áp dụng hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác nếu có thỏa thuận như vậy giữa chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến, thể hiện trong các văn bản sau đây:

a) Hợp đồng (ví dụ: thỏa thuận riêng bằng văn bản về quyền áp dụng và chuyển giao sáng kiến, hợp đồng đầu tư để tạo ra sáng kiến, hợp đồng thuê việc, hợp đồng lao động, hợp đồng tuyển dụng...);

b) Các quy định của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến mà tác giả là người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức phải tuân thủ (ví dụ: quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động, quy chế về hoạt động sáng kiến...).

Trường hợp có sự khác nhau trong quy định giữa các văn bản nêu tại Điểm a và Điểm b của Khoản này thì áp dụng quy định theo thỏa thuận giữa các bên nêu tại Điểm a Khoản này.

4. Việc chuyển giao sáng kiến được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, hợp đồng chuyển giao công nghệ, tùy thuộc vào nội dung thỏa thuận và sáng kiến được chuyển giao.

Điều 23. Phổ biến sáng kiến

1. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...), hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 24. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, Tuần lễ Sáng kiến quốc gia, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Các cơ sở công nhận sáng kiến có thể áp dụng các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

3. Các cơ quan, tổ chức sau đây có trách nhiệm tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến ở các ngành, các cấp:

a) Sở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến gắn với tổng kết phong trào thi đua "lao động giỏi - lao động sáng tạo" trên địa bàn tỉnh;

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến của ngành, lĩnh vực tương ứng.

Điều 25. Chi phí cho hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

1. Nội dung chi:

a) Chi phí để tạo ra sáng kiến, áp dụng sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu;

b) Chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến;

c) Chi phí thực hiện các hoạt động nêu tại Điều 23 và Điều 24;

d) Chi cho công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về sáng kiến; tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về quản lý hoạt động sáng kiến; biên tập, xuất bản kỷ yếu về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

đ) Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động sáng kiến;

e) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ cho việc tiếp nhận, xem xét và xử lý đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

g) Chi xăng xe, công tác phí, lưu trú đi lại thẩm tra, xác minh, đánh giá tại cơ sở về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh;

h) Chi phí đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn cho chuyên gia ngoài tỉnh là thành viên Hội đồng sáng kiến;

i) Phí dịch vụ tra cứu thông tin về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến trong đó có hoạt động tạo ra và áp dụng sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị để chi trả;

b) Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thường xuyên chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

c) Các đơn vị sự nghiệp được Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên và các đơn vị, tổ chức khác của Nhà nước (không phải đơn vị sự nghiệp) chi trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm;

d) Các doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của đơn vị mình để đầu tư cho hoạt động sáng kiến; chi phí cho hoạt động sáng kiến được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến được quy định như sau:

a) Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

4. Chi phí cho công tác quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến và thực hiện các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

5. Định mức chi:

a) Định mức chi cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến thực hiện theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 18/10/2007 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng Ngân sách Nhà nước; trường hợp Quyết định này được UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc có quy định mới của cấp có thẩm quyền về hướng dẫn chi và định mức chi cho Hội đồng sáng kiến thì thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Các nội dung chi theo quy định tại Khoản 1 Điều này được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và chi theo định mức theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại tố cáo

1. Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở nhận chuyển giao sáng kiến được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Đối với các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức vi phạm quy định quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến, việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ sở xét công nhận sáng kiến tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị quản lý phát huy tính tự chủ, sáng tạo, có nhiều sáng kiến được công nhận và áp dụng đem lại hiệu quả cao.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh và chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này;

b) Tổ chức xét, công nhận các sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật theo quy định;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh; thông tin tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về sáng kiến; tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về quản lý hoạt động sáng kiến cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh; biên tập, xuất bản kỷ yếu về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

d) Trong trường hợp cần thiết, tổ chức đoàn để thẩm tra, xác minh và đánh giá tại cơ sở đối với giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh;

đ) Tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ tác giả sáng kiến tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ theo quy định;

e) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

g) Tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 24;

h) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 23 và Khoản 1 Điều 24;

i) Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan căn cứ vào kết quả hoạt động sáng kiến để tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình trong hoạt động sáng kiến.

4. Sở Tài chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính các huyện, thị xã và bộ phận kế hoạch - tài chính của cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan phân bổ kinh phí và thẩm định dự toán chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

5. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, các cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin về hoạt động sáng kiến tại cơ sở (theo mẫu tại Phụ lục V) cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị phản ánh về cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH *ll*



Nguyễn Văn Trầm

Phụ lục I
MẪU ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015
của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi¹:

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến²:

.....
- Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến)³:

.....
- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến⁴:

.....
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn)

.....
- Mô tả bản chất của sáng kiến⁵:

¹ Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.

² Tên của sáng kiến.

³ Tên và địa chỉ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

⁴ Điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin

Nông lâm ngư nghiệp và môi trường

Cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải

Dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế...)

Khác...



.....
- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):
.....

- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:
.....

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả⁶:
.....

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có)⁷:
.....

- Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

⁵ Cần nêu rõ các nội dung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 11 của Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

⁶ Đánh giá lợi ích thu được theo hướng dẫn quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 11 của Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

⁷ Đánh giá lợi ích thu được theo hướng dẫn quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 11 của Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐẶC CÁCH CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015
của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐẶC CÁCH CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1					
2					
...					

Kính đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét công nhận trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh của tôi/chúng tôi.

Tôi (chúng tôi) gửi kèm theo Đơn này tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh theo quy định.

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn và tài liệu kèm theo là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., Ngày tháng năm
Người nộp đơn
(ký, ghi rõ họ và tên)



Phụ lục III
MẪU GIẤY BIÊN NHẬN ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015
của UBND tỉnh)

.....¹ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Số.....

.....¹

Đã nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do²:

.....

Nộp ngày để yêu cầu công nhận sáng kiến³:

.....

Tài liệu kèm theo gồm:

.....

Kết quả xem xét Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến sẽ được thông báo cho người nộp đơn chậm nhất vào ngày.....

..... ngày ... tháng ... năm

Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ sở
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

¹ Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.

² Họ tên, chức vụ (nếu có), nơi công tác hoặc nơi thường trú của người nộp đơn.

³ Tên của sáng kiến.

Phụ lục IV
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN
(Kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh)

.....¹

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN

.....²

Chứng nhận

(Các) Ông/Bà: 1, Ông/Bà....., (chức danh (nếu có))....., (nơi làm việc/cư trú).....
2, Ông/Bà....., (chức danh (nếu có))....., (nơi làm việc/cư trú).....
3, ...

là tác giả (đồng tác giả) của sáng kiến³:

do chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là⁴:

Số:

....., ngày ... tháng... năm ...

Chữ ký, họ tên của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

¹ Tên cơ sở công nhận sáng kiến (đối với sáng kiến cấp cơ sở) hoặc tên Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (đối với sáng kiến cấp tỉnh).
² Chức danh của Thủ trưởng cơ sở công nhận sáng kiến (đối với sáng kiến cấp cơ sở) hoặc ghi Chủ tịch Hội đồng sáng kiến (đối với sáng kiến cấp tỉnh).
³ Tên sáng kiến được công nhận.
⁴ Trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Giấy Chứng nhận sáng kiến số:

1. Tóm tắt nội dung sáng kiến:

2. Lợi ích kinh tế - xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến:

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh)

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN
GIÁI ĐOẠN TỪ ĐẾN....
CỦA.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.....

I. Công nhận sáng kiến:

1. Lĩnh vực hoạt động của Cơ quan/Đơn vị¹:
2. Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:
3. Tổng số sáng kiến được công nhận:
4. Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mô tả tóm tắt bản chất của sáng kiến	Lợi ích kinh tế-xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến

II. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến:

1. Áp dụng sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:
- Tổng mức đầu tư của Nhà nước:

¹ Điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin
Nông lâm ngư nghiệp và môi trường
Cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải
Dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế...)
Khác....

- Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:

- Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:

- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mức đầu tư của Nhà nước để tạo ra sáng kiến	Hiệu quả áp dụng (Tiền làm lợi và các lợi ích khác)	Thù lao trả cho tác giả

2. Chuyển giao sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:

- Tổng số tiền thu từ chuyển giao sáng kiến:

- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Giá chuyển giao	Số lần chuyển giao	Thù lao trả cho tác giả

III. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Lý do hủy bỏ ²

IV. Các biện pháp khuyến khích:

1. Nâng lương, nâng bậc trước thời hạn:

- Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận:

- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Tình trạng áp dụng (Đang áp dụng/Áp dụng thử)

² Nêu rõ lý do hủy bỏ việc công nhận sáng kiến nếu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Ưu tiên cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:

- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Kinh phí hỗ trợ của tư nhân (nếu có)	Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (nếu có)	Dự kiến kết quả (khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến)

Nơi nhận:

Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng Cơ quan/Đơn vị

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

